TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS - ST
Ngày: 19 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang
2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Việt A, sinh năm 1962** (có mặt)

Bà Phan Thúy N, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 262A đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1956** (vắng mặt)

Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Lô 4 căn 5 đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Việt A và bà Phan Thúy N là nguyên đơn thống nhất trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh Nh, bà Nguyễn Ngọc C vay tiền tổng cộng 03 lần; mỗi lần vay đều có làm

biên nhận, ông Nh, bà C cùng ký tên nhận nợ. Cụ thể: Ngày 27/10/2020 vay số tiền là 150.000.000 đồng; ngày ngày 29/5/2021 vay số tiền là 90.000.000 đồng; ngày 01/7/2021 vay số tiền là 60.000.000 đồng; tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng.

Đối với từng khoản vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 04%/tháng, không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ gốc. Tính đến ngày 30/01/2022 ông Nh, bà C đóng lãi đầy đủ. Sau đó ông bà nhiều lần đến gặp ông Nh, bà C để đòi nợ gốc và lãi còn thiếu thì ông Nh, bà C chỉ hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện được.

Do nhận thấy ông Nh, bà C không có thiện chí trong việc trả nợ nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nh, bà C phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc tổng cộng là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/01/2022 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông bà xác định tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/01/2022 đến khi giải quyết xong vụ án; đồng thời thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn lại là 290.000.000 đồng.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 08/02/2023 bà Nguyễn Ngọc C là bị đơn trình bày:

Vợ chồng ông bà có vay tiền tổng cộng 03 lần của vợ chồng ông A, bà N; tổng số nợ vay là 300.000.000 đồng và đây là nợ chung của vợ chồng ông bà. Mục đích vay tiền là để phục vụ công việc làm ăn chung trong gia đình.

Chữ ký và chữ viết họ tên trong 03 biên nhận nợ ngày 27/10/2020 vay số tiền là 150.000.000 đồng; ngày 29/5/2021 vay số tiền là 90.000.000 đồng; ngày 01/7/2021 vay số tiền là 60.000.000 đồng là chữ ký và chữ viết của ông bà.

Hai bên thỏa thuận lãi suất của từng khoản vay là 04%/tháng; ông bà đóng lãi đầy đủ đến thời điểm 30/01/2022; sau giai đoạn này do làm ăn khó khăn nên không thể tiếp tục đóng lãi cũng như chưa trả được nợ gốc cho ông A, bà N.

Về tổng số tiền lãi đã đóng đến thời điểm ngày 30/01/2022 là bà tự nguyện thỏa thuận mức lãi suất 4%/tháng với bên nguyên đơn nên không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Nay bà thống nhất đồng ý trả số nợ 300.000.000 đồng cho ông A, bà N; và cam kết trong thời hạn 03 tháng, từ ngày 08/02/2023 đến ngày 08/05/2023 vợ chồng bà có trách nhiệm trả hết số tiền 300.000.000 đồng cho ông A, bà N. Nếu vi phạm thỏa thuận trả nợ thì ông A, bà N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Nh: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xem xét việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về phiên tòa sơ thẩm. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ gốc. Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền vay gốc còn nợ là 290.000.000 đồng. Về án phí: Ông Nh, bà C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ông Nguyễn Việt A và bà Phan Thúy N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Minh Nh, bà Nguyễn Ngọc C phải trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Minh Nh, bà Nguyễn Ngọc C là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Minh Nh và bà Nguyễn Ngọc C như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; cả hai

bị đơn đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan;căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Minh Nh và bà Nguyễn Ngọc C.

[2] *Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:*

Đối với bà Nguyễn Ngọc C mặc dù không tham gia phiên tòa xét xử, nhưng bà đã có văn bản ý kiến cũng như tham gia phiên hòa giải tại Tòa án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Minh Nh từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Như vậy, ông Nh đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về hợp đồng vay tài sản:*

Nguyên đơn Nguyễn Việt A và bà Phan Thúy N trình bày vợ chồng ông bà đã cho vợ chồng ông Nguyễn Minh Nh, bà Nguyễn Ngọc C vay tổng cộng 300.000.000 đồng trong 03 lần, bao gồm: Ngày 27/10/2020 vay số tiền là 150.000.000 đồng; ngày 29/5/2021 vay số tiền là 90.000.000 đồng; ngày 01/7/2021 vay số tiền là 60.000.000 đồng. Tất cả 03 lần vay đều có lập biên nhận nợ có chữ ký của cả ông Nh và bà C. Trong quá trình vay này bên bị đơn đóng lãi đều đặn tính đến ngày 30/01/2022 với lãi suất thỏa thuận là 04%/tháng và chưa trả gốc lần nào.

Xét thấy lời trình bày nêu trên của ông A, bà N phù hợp với lời khai thừa nhận nợ của bị đơn bà C tại biên bản hòa giải của Tòa án ngày 08/02/2023; ngoài ra bà C cũng khai nhận số nợ 300.000.000 đồng là nợ chung của bà và chồng là ông Nh, mục đích vay tiền để phục vụ công việc làm ăn của gia đình. Do đó đủ cơ sở xác định giao dịch vay tài sản giữa hai bên là có thật và phù hợp quy định pháp luật.

Theo nội dung của 03 biên nhận nợ thì các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ; tuy nhiên bà C thừa nhận từ sau thời điểm 30/01/2022 vợ chồng bà không đóng lãi và cũng chưa trả nợ gốc cho nguyên đơn, dẫn đến việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 08/02/2023 phía nguyên đơn và bị đơn bà C đã thống nhất cho thời hạn để bị đơn trả hết số nợ 300.000.000 đồng là đến ngày 08/5/2023. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn khai nhận vào ngày 03/6/2023 bà C có chuyển khoản vào tài khoản của bà N trả được số tiền là 10.000.000 đồng, do đó nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn lại là 290.000.000 đồng. Xét thấy việc bị đơn ông Nh, bà C không trả nợ theo thỏa thuận đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông N, bà A, do đó việc ông N, bà A khởi kiện yêu cầu ông Nh, bà C trả số nợ gốc 290.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về việc rút yêu cầu khởi kiện tính lãi của nguyên đơn:*

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/01/2022 đến khi giải quyết xong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn và bị đơn bà C thống nhất trình bày lãi suất vay là 04%/tháng và bị đơn duy trì đóng lãi đến ngày 30/01/2022. Xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định pháp luật về hợp đồng vay tài sản; tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 08/02/2023 bị đơn bà C tự nguyên không yêu cầu Tòa án xem xét lại về mức lãi suất và số tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn, ông Nh cũng không có ý kiến bằng văn bản về vấn đề này. Ngoài ra, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn ông Nh, bà C phải chịu án phí trên số tiền buộc trả 290.000.000 đồng; tuy nhiên ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ số tiền án phí.

Nguyên đơn ông A, bà N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000309 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Việt A, bà Phan Thúy N đối với bị đơn ông Nguyễn Minh Nh, bà Nguyễn Ngọc C về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Minh Nh và bà Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt A và bà Phan Thúy N số tiền vay gốc là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Việt A và bà Phan Thúy N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Minh Nh và bà Nguyễn Ngọc C chậm trả số tiền nêu trên thì ông Nguyễn Minh Nh và bà Nguyễn Ngọc C còn phải trả cho ông Nguyễn Việt A và bà Phan Thúy N khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Việt A và bà Phan Thúy N về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay gốc.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Nguyễn Minh Nh và bà Nguyễn Ngọc C được miễn toàn bộ án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Nguyên đơn Nguyễn Việt A và bà Phan Thúy N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000309 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Rạch Giá;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM	**HỘI THẨM**	**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
……	**……..**	**Hoàng Hồng Thắm**